

HƯỚNG DẪN CHẤM THI*Bản hướng dẫn chấm gồm 03 trang***A. Hướng dẫn chung**

- Hướng dẫn chấm chỉ nêu tóm tắt các ý cơ bản. Thí sinh phải diễn giải sâu sắc tương tự SGK thì mới cho điểm tối đa. Điểm trừ tùy thuộc mức độ kém sâu sắc của bài thi.
- Thí sinh làm theo cách riêng nhưng đáp ứng được yêu cầu cơ bản vẫn cho đủ điểm.
- Việc chi tiết hoá điểm số (nếu có) so với biểu điểm phải đảm bảo không sai lệch với hướng dẫn chấm và được thống nhất trong Hội đồng chấm.
- Sau khi cộng điểm toàn bài, làm tròn đến 0,5 (lẻ 0,25 làm tròn thành 0,5; lẻ 0,75 làm tròn thành 1,0 điểm).

B. Đáp án và thang điểm**I. PHẦN BẮT BUỘC (5 điểm)**

Đáp án		Điểm
Câu 1 (3,0đ)	a. Biểu đồ - Vẽ hai hình tròn cho hai năm: $R_{2003} \geq R_{1989}$ (Thí sinh vẽ $R_{1989} > R_{2003}$ trừ 0,25 điểm). - Vẽ tương đối chính xác tỷ lệ lao động các ngành. (Nếu sai tỷ lệ hai ngành, đúng một ngành trong một biểu đồ thì trừ 0,25 điểm). - Có tên biểu đồ và chú giải đúng. (Thí sinh điền trực tiếp chú giải vào biểu đồ vẫn cho điểm tối đa).	0,50 1,0 0,50
	b. Nhận xét - Giảm tỷ lệ lao động trong khu vực nông - lâm - ngư nghiệp. - Tăng tỷ lệ lao động trong khu vực công nghiệp - xây dựng và dịch vụ.	0,50
	c. Giải thích - Do chuyển dịch cơ cấu kinh tế. - Do quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá.	0,50
Câu 2 (2,0đ)	a. Tính sản lượng lúa bình quân - Có các phép tính đúng cho các năm lần lượt là: 225,9; 261,4; 267,3; 290,0; 350,1; 411,5; 427,7 (kg/người) - Công thức tính (Tính đúng 3 năm trở xuống cho 0,25 điểm; tính đúng từ 4 đến 6 năm cho 0,5 điểm. Thí sinh có thể làm tròn số đến hàng đơn vị. Thí sinh không tính ra đơn vị kg/người trừ 0,25 điểm).	0,75 0,25

	<p><i>b. Nhận xét</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Số dân liên tục tăng. - Sản lượng lúa liên tục tăng. - Sản lượng lúa tăng nhanh hơn dân số. - Bình quân lúa trên đầu người tăng. <p><i>(Không có số liệu chứng minh số lần hoặc % tăng trưởng có thể trừ 0,25 điểm).</i></p>	1,0
--	---	-----

II. PHẦN TỰ CHỌN (5 điểm)

Đề 1

Câu 1 (3,5đ)	<p><i>(Câu 1 chủ yếu khai thác kiến thức trong bài Tây Nguyên sách Địa lí lớp 12 dành cho hệ THPT không phân ban).</i></p> <p>* Điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển cây cà phê ở Tây Nguyên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa hình và đất đai thuận lợi cho phát triển vùng chuyên canh cà phê quy mô lớn. - Khí hậu cận xích đạo; có sự phân hoá theo đai cao, tạo điều kiện để phát triển nhiều loại cây cà phê. <p>* Tình hình sản xuất và phân bố cây cà phê.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là cây công nghiệp quan trọng số 1 ở Tây Nguyên. <i>(Số liệu dẫn chứng)</i> - Cơ cấu cây trồng đa dạng: Cà phê chè, cà phê vối. - Phân bố rộng, tập trung nhiều ở tỉnh Đắk Lắk. <p>* Biện pháp để phát triển ổn định cây cà phê ở khu vực này.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung lao động. - Đảm bảo nhu cầu về lương thực. - Nâng cấp cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật. - Thu hút đầu tư nước ngoài vào sản xuất cà phê, tìm kiếm ổn định thị trường. - Các giải pháp khác. 	<p style="text-align: right;">0,75</p> <p style="text-align: right;">0,50</p> <p style="text-align: right;">0,50</p> <p style="text-align: right;">0,25</p> <p style="text-align: right;">0,25</p> <p style="text-align: right;">1,25</p>
Câu 2 1,5đ	<p><i>(Câu 2 chủ yếu khai thác kiến thức trong bài Lao động và việc làm sách Địa lí lớp 12 dành cho hệ THPT không phân ban).</i></p> <p>a. Việc làm đang là một vấn đề kinh tế - xã hội gay gắt ở nước ta.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nước ta có tỷ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm cao. - Số lao động thiếu việc làm, thất nghiệp. - Tỷ lệ thiếu việc làm ở nông thôn, tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị. - Tỷ lệ thiếu việc làm ở nông thôn và tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị cao nhất là ở đồng bằng sông Hồng, tiếp đến là ở Bắc Trung Bộ. <p><i>(Không có số liệu chứng minh có thể trừ 0,25 điểm).</i></p>	1,0

	<p><i>b. Việc tăng cường thu hút vốn đầu tư nước ngoài có tác động tích cực tới vấn đề giải quyết việc làm hiện nay ở nước ta.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp: Tạo ra nhiều việc làm. - Gián tiếp: Đào tạo, nâng cao tay nghề người lao động. 	0,50
--	---	------

Đề 2

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam

<p>1. (2,5đ)</p>	<p><i>1/ Quy mô, cơ cấu ngành của từng trung tâm công nghiệp ở Đông Nam Bộ</i></p> <ul style="list-style-type: none"> * Kể tên đúng 3 đến 4 TTCN. * Nêu chính xác quy mô của 4 TTCN. <i>(Theo chú giải Atlas, có thể nêu theo sự phân loại hay số liệu tuyệt đối).</i> * Nêu tên được các ngành công nghiệp của từng TTCN: <ul style="list-style-type: none"> - Thành phố Hồ Chí Minh <i>(Nêu tên từ 4 đến 6 ngành cho 0,25 điểm; trên 6 ngành cho 0,5 điểm).</i> - Vũng Tàu, Biên Hoà, Thủ Dầu Một <i>(Mỗi trung tâm công nghiệp, nêu tên được 4 ngành trở lên cho 0,25 điểm).</i> 	<p>0,25 1,0 0,50 0,75</p>
<p>2. (0,5đ)</p>	<p><i>2/ Kể tên các nhà máy thuỷ điện và nhiệt điện trong vùng Đông Nam Bộ</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà máy thuỷ điện: Thác Mơ, Trị An. - Nhà máy nhiệt điện: Phú Mỹ, Bà Rịa, Thủ Đức. <p><i>(Nếu thí sinh chỉ nêu nhà máy thuỷ điện Trị An và nhà máy nhiệt điện ở thành phố Hồ Chí Minh thì cho 0,25 điểm).</i></p>	0,50
<p>3. (2,0đ)</p>	<p><i>3/ So sánh sự giống và khác nhau của 2 trung tâm công nghiệp Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh</i></p> <ul style="list-style-type: none"> * Giống nhau <ul style="list-style-type: none"> - Đều là trung tâm công nghiệp có quy mô lớn. - Có cơ cấu ngành công nghiệp đa dạng. * Khác nhau <ul style="list-style-type: none"> - Thành phố Hồ Chí Minh có quy mô giá trị sản xuất công nghiệp lớn hơn Hà Nội. <p><i>(Dẫn chứng số liệu)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phố Hồ Chí Minh có cơ cấu ngành công nghiệp đa dạng hơn Hà Nội. <p><i>(Dẫn chứng các ngành)</i></p> * Giải thích sự khác nhau <ul style="list-style-type: none"> - Vị trí địa lí thuận lợi. - Các yếu tố khác. 	<p>0,50 1,0 0,50</p>